

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 57/2022/DS-ST

Ngày: 20-7-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Trọng Qu.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Bùi Dân A.**

2. Bà **Đỗ Thị Mỹ H.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lưu Sử Ngọc Qu** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Bích D** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đỗ Nhân H**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 270A, đường Phạm Hùng, khu phố L, phường Long Thành Tr, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Nhân H: Anh **Võ Văn S**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Số 39/58, đường Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố 3, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Nhật U**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 136, Khu phố 1, phường L, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Đức Ch**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 136, Khu phố 1, phường L, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Võ Văn S trình bày:

Do chỗ quen biết nhau nên ngày 09/10/2019 âm lịch (nhằm ngày 05/11/2019 dương lịch), anh H có cho vợ chồng chị U, anh Ch vay số tiền 600.000.000 đồng, khi vay tiền hai bên có làm biên nhận nợ do chị U viết và ký tên, chị U là người trực tiếp nhận tiền, hai bên không thỏa thuận lãi suất cụ thể mà chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, thỏa thuận một năm sau sẽ hoàn trả vốn và lãi nhưng đến hẹn vợ chồng chị U vẫn chưa trả nợ mà chị U có viết lại biên nhận nợ mới ngày 09/10/2020 âm lịch còn nợ anh H số tiền 600.000.000 đồng và cam kết cuối tháng 10/2020 âm lịch sẽ hoàn trả nợ, mục đích chị U vay tiền để làm ăn kinh doanh. Sau khi viết lại giấy nhận nợ mới, vợ chồng chị U vẫn chưa trả vốn và chưa trả lãi. Việc chị U vay tiền thì anh Ch là chồng của chị U cũng biết nhưng do tin tưởng nhau nên anh H không yêu cầu anh Ch ký tên vào biên nhận nợ.

Nay ra tòa, anh H yêu cầu vợ chồng chị U và anh Ch cùng có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh H số tiền vay còn nợ 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng và yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 09/10/2020 âm lịch cho đến nay theo lãi suất quy định của pháp luật.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Nhật U trình bày:

Do chỗ quen biết nhau nên ngày 09/10/2019 âm lịch (nhằm ngày 05/11/2019 dương lịch), chị U có vay của anh H số tiền 600.000.000 đồng. Khi vay tiền, hai bên có làm biên nhận nợ do chị U viết và ký tên, hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, thỏa thuận một tháng sau sẽ trả nợ, mục đích chị U vay tiền để làm ăn kinh doanh. Sau khi vay tiền, chị U có trả cho anh H được 06 tháng tiền lãi, mỗi tháng trả 60.000.000 đồng x 06 tháng thành tiền 360.000.000 đồng, chưa trả tiền vốn gốc, việc trả tiền lãi hai bên không có lập biên bản do chị U trả lãi thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đến ngày 09/10/2020 âm lịch, chị U có viết lại cho anh H biên nhận nợ mới số tiền 600.000.000 đồng, sau khi viết lại giấy nợ mới thì chị U có trả tiền gốc được 120.000.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc 480.000.000 đồng, chưa trả tiền lãi nhưng việc trả tiền gốc thì hai bên cũng không có lập văn bản. Đối với số tiền vay này thì chồng của chị U là anh Nguyễn Đức Ch hoàn toàn không biết chị U vay của anh H.

Nay ra tòa, anh H yêu cầu chị và anh Ch cùng có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh H số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng và yêu cầu trả tiền lãi thì chị U không đồng ý, chị U đồng ý một mình đứng ra trả cho anh H số tiền còn nợ 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng, không yêu cầu anh Ch cùng trả nợ vì anh Ch hoàn toàn không biết số tiền nợ vay này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức Ch đã được

*Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Ch vắng mặt không có lý do.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị U; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị U, anh Ch là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành đưa vụ án ra xét xử còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử cần khắc phục.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn là chị U; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ch cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Chị Nguyễn Nhật U là bị đơn có nơi cư trú tại nhà số 136, Khu phố 1, phường L, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, bị đơn là chị U; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị U, anh Ch vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị U, anh Ch là đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 09/10/2019 âm lịch (nhằm ngày 05/11/2019 dương lịch), anh H cho vợ chồng chị U, anh Ch vay 600.000.000 đồng, hai bên làm biên nhận do chị U viết và ký tên, hai bên không thỏa thuận lãi suất trong biên nhận nợ mà chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, thỏa thuận một năm sau sẽ hoàn trả vốn và lãi; đến một năm sau là ngày 09/10/2020 âm lịch (nhằm ngày 23/11/2020 dương lịch), chị U có viết cho anh H một giấy nhận nợ mới cũng số tiền 600.000.000 đồng và hẹn đến cuối tháng 10/2020 âm lịch sẽ trả nợ nhưng đến hạn vợ chồng chị U vẫn chưa trả vốn và tiền lãi nên hai bên phát

sinh tranh chấp. Đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét về nghĩa vụ thanh toán thấy rằng: Anh H đã cung cấp cho Tòa án 02 bản gốc biên nhận nợ ngày 09/10/2019 âm lịch và biên nhận nợ ngày 09/10/2020 âm lịch, tất cả 02 biên nhận nợ chị U thừa nhận do chị viết và ký tên, hai bên thỏa thuận cuối tháng 10/2020 sẽ hoàn trả nợ nhưng đến nay chị U, anh Ch vẫn chưa thanh toán cho anh H số tiền 600.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Riêng chị U cho rằng sau khi vay số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 09/10/2019 âm lịch thì chị U có trả cho anh H được 06 tháng tiền lãi, mỗi tháng trả 60.000.000 đồng x 06 tháng = 360.000.000 đồng, chưa trả tiền vốn gốc. Mặt khác, sau khi chị U viết lại giấy nhận nợ mới vào ngày 09/10/2020 âm lịch thì chị U cũng đã trả cho anh H tiền gốc được 120.000.000 đồng, chưa trả tiền lãi nhưng do tin tưởng nên khi trả số tiền lãi 360.000.000 đồng và trả tiền gốc 120.000.000 đồng thì chị U không yêu cầu anh H viết biên nhận. Xét thấy, chị U và anh Ch khi vay tiền vẫn còn là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, mục đích chị U vay tiền để kinh doanh, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, việc chị U trình bày đã trả được cho anh H số tiền lãi 360.000.000 đồng và tiền gốc 120.000.000 đồng nhưng chị U đã không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả số tiền này nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H yêu cầu chị U, anh Ch phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H số tiền vốn 600.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày viết lại giấy nợ mới là ngày 09/10/2020 âm lịch (nhằm ngày 23/11/2020 dương lịch) cho đến nay theo lãi suất quy định của pháp luật. Tiền lãi được tính như sau:

$600.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 19 \text{ tháng} 27 \text{ ngày}$  (Tính từ ngày vay 23/11/2020 đến ngày xét xử 20/7/2022) = 99.102.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 600.000.000 đồng + 99.102.000 đồng = 699.102.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị U, anh Ch phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Nhân H đối với chị Nguyễn Nhật U và anh Nguyễn Đức Ch yêu cầu trả số tiền vay còn nợ.

Buộc chị Nguyễn Nhật U và anh Nguyễn Đức Ch có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đỗ Nhân H số tiền 699.102.000 (Sáu trăm chín mươi chín triệu một trăm lẻ hai nghìn) đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị U và anh Ch phải liên đới chịu 31.964.000 (Ba mươi một triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Hoàn trả cho anh H 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009933 ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

**3.** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Uyên, anh Chánh vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CC.THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.